

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 6 - 2025

V/v: Ly hôn có yếu tố nước ngoài

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Duyên và bà Lê Đào Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Hào, Kiểm sát viên.

Ngày 02/6/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2025/TLST - HNGĐ, ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc “Ly hôn có yếu tố nước ngoài”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị L**, sinh năm: 2000; Địa chỉ: Tổ F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang; Hiện đang sinh sống làm việc tại M, nhập cảnh về Việt Nam ngày 09/5/2025 – vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu, chứng cứ cho chị Lương Thị L:* Chị Vũ Thị Q và chị Hoàng Phương L1; địa chỉ: Số C, ngõ A N, phường A, quận C, thành phố Hà Nội.

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm: 1998; Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang – vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/02/1998; hộ khẩu thường trú Thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng vẫn hạnh phúc đến khoảng tháng 01 năm 2023 thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tháng 7/2023 anh T sang Campuchia sinh sống và làm việc. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang giải quyết ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lương Hà A, sinh ngày 14/01/2023; hiện nay cháu Hà A đang sinh sống cùng với chị L. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Hà A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lương Thị L đã có đơn xin xét xử vắng mặt và có người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu, chứng cứ.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lương Thị L, sinh ngày 09/7/2000 tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 21/9/2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng tháng 3/2023 anh sang Philippin sinh sống và làm việc do khoảng cách về địa lý nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Khi anh T về Việt Nam thì biết tin chị L khởi kiện xin ly hôn, anh nhất trí ly hôn với chị Lương Thị L.

Về con chung: Anh và chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Lương Hà A, sinh ngày 14/01/2023; cháu Hà A sống cùng chị L từ tháng 3/2023 đến cuối tháng 01 năm 2025 anh T về Việt Nam thì cháu Hà A sinh sống cùng anh T do chị L đi lao động tại M. Ngày 09/5/2025 chị L nhập cảnh về Việt Nam. Tại bản tự khai ngày 12/5/2025 anh T đồng ý giao con cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện nay cháu Hà A đang sinh sống cùng chị L.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đồng thời, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ:

Tại Công văn số: 55/QLXNC - Đ1 ngày 22/01/2025 của Phòng Q1 Công an tỉnh T về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh xác định: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/02/1998; giới tính: Nam; Số C công dân: 008098001097; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Qua tra cứu phần mềm quản lý xuất nhập cảnh tại đơn vị, Nguyễn Văn T đã sử dụng hộ chiếu số P00978217 xuất cảnh lần gần nhất ngày 27/11/2024 (11:28:21) tại cửa khẩu M. Tại thời điểm thu thập thông tin và khi thụ lý vụ án anh T chưa nhập cảnh về Việt Nam. Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết anh T đã nhập cảnh về Việt Nam và sinh sống tại Thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

Tại Công văn số: 256/QLXNC - Đ1 ngày 25/3/2025 của Phòng Q1 Công an tỉnh T về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh xác định: Chị Lương Thị L, sinh ngày 09/7/2000; giới tính: Nữ; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ F, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang. Qua tra cứu phần mềm quản lý xuất nhập cảnh tại đơn vị, Lương Thị L đã sử dụng hộ chiếu số E 01697616 xuất cảnh lần gần nhất ngày 14/02/2025 (00:13:09) tại Sân bay quốc tế T. Đến ngày 09/5/2025 chị L đã nhập cảnh về Việt Nam.

Tại biên bản xác minh với ông Nguyễn Phú V, trưởng thôn thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang trình bày như sau:

Anh Nguyễn Văn T là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Anh T là con của ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L2. Năm 2022 anh T và chị Lương Thị L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Do ít khi có mặt tại địa phương

nên ông không biết nguyên nhân mâu thuẫn, tài sản chung, vay nợ chung, cho vay chung giữa anh T, chị L. Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Lương Hà A, sinh ngày 14/01/2023; hiện cháu Hà A đang sinh sống cùng ai ông không biết. Nay chị L khởi kiện xin ly hôn với anh T ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến phiên tòa. Nguyên đơn; bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc xét xử vắng mặt chị Lương Thị L, anh Nguyễn Văn T phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định cuộc sống vợ chồng của chị Lương Thị L và anh Nguyễn Văn T đã phát sinh mâu thuẫn, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy, căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; Điều 179; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 227, 228, 238; 271, 273; điểm d khoản 1 Điều 469; các Điều 471, 474, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị L, cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lương Hà A, sinh ngày 14/01/2023 cho chị Lương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn, được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị Lương Thị L xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lương Thị L đã nộp, chị L đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lương Thị L, anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Anh Nguyễn Văn T và chị Lương Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 21/9/2022 tại UBND xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp

pháp. Tranh chấp giữa chị L và anh T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L có đơn xin ly hôn với anh T; cả hai anh chị đều có quốc tịch Việt Nam; tại thời điểm Tòa án gửi công văn sang Phòng quản lý xuất nhập cảnh, Công an tỉnh T đề nghị cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của công dân thì anh T đã xuất cảnh ra nước ngoài. Vì vậy, việc giải quyết ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Chị Lương Thị L và anh Nguyễn Văn T đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L, anh T là phù hợp, đúng quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị L:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của chị L và anh T đều xác định cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, tranh cãi, mục đích hôn nhân không đạt được và nhất trí ly hôn. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị L, xử cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3.2] Về con chung: Chị Lương Thị L và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Lương Hà A, sinh ngày 14/01/2023. Chị L có nguyện vọng được nuôi con chung và anh T đã có bản tự khai nhất trí giao cháu Hà A cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Hà A, cần giao cháu Hà A cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Hà A đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[3.3] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lương Thị L và anh Nguyễn Văn T đều xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét nội dung này.

[4] Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147; Điều 179; các khoản 2, 4 Điều 207; các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273, 469, 471, 474, 478, 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Lương Thị L, cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 26 cấp ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lương Hà A, sinh ngày 14/01/2023 cho chị Lương Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lương Thị L, anh Nguyễn Văn T xác định không có, không đề nghị giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Vũ Thị Q nộp thay chị L là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000002928508 ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang; chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn T không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lương Thị L và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Duyên Lê Đào Bích

Nguyễn Xuân Thủy

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Cục THA dân sự tỉnh;
- UBND xã Thái Long, TP. Tuyên Quang ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thủy

